

KẾ HOẠCH

**thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị
về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo
và chuyển đổi số trên địa bàn phường Gia Viên**

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (viết tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW), Kế hoạch hành động số 12-KH/TU ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Ban Thường vụ Đảng ủy ban hành Kế hoạch hành động thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH

1. Quán triệt và cụ thể hóa Nghị quyết 57-NQ/TW: Bảo đảm toàn Đảng bộ và hệ thống chính trị phường nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, gắn với sự phát triển giàu mạnh, hùng cường của quốc gia trong kỷ nguyên mới; cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp của của Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Quyết định số 204-QĐ/TW ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư, Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 02/6/2025 về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Nghị quyết số 03/NQ-CP, ngày 09/01/2025 của Chính phủ, Nghị quyết số 71/NQ-CP, ngày 01/4/2025 của Chính phủ; Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội; Nghị quyết số 226/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng, nhất là các cơ chế, chính sách tạo đột phá trong phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Kế hoạch hành động số 12-KH/TU, ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 26/8/2025 của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thành phố về thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương... thành các mục tiêu, quy hoạch, chiến lược, đề án, dự án cụ thể, phù hợp với điều kiện của thành phố. Người đứng đầu phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phải gương mẫu thực hiện; tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong triển khai thực hiện.

2. Thống nhất nhận thức, tạo quyết tâm chính trị cao: Giúp cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phường, doanh nghiệp và Nhân dân trên địa bàn phường có cùng tầm nhìn, đồng thuận trong triển khai; khơi dậy tinh thần chủ động, sáng tạo ở mọi cấp, mọi ngành, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong tổ chức thực hiện.

3. Phát huy tiềm năng, thế mạnh của phường: Xác định các lĩnh vực ưu tiên phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số dựa trên lợi thế của phường; thúc đẩy các đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư, nhân tài, công nghệ.

4. Tạo bước chuyển mạnh mẽ về hạ tầng số, nhân lực số, hệ sinh thái khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo: Từng bước xây dựng chính quyền số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số; góp phần thiết lập hệ sinh thái khởi nghiệp, cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ... phù hợp với thực tiễn tại phường.

5. Góp phần vào phát triển bền vững, hiện đại hóa đất nước: Thực hiện tốt Kế hoạch hành động để phường đóng góp vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thành phố; nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, tăng cường quốc phòng - an ninh.

II. YÊU CẦU

1. Bám sát các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết 57-NQ/TW: Toàn bộ nội dung Kế hoạch hành động (từ mục tiêu đến giải pháp) phải thống nhất với tinh thần Nghị quyết 57-NQ/TW và các quy định, hướng dẫn của Trung ương, đồng thời phải kế thừa những kết quả, chương trình, đề án liên quan đã có; tránh “xây dựng mới” một cách tùy tiện.

2. Quán triệt sâu sắc, kế thừa và phát huy các kết quả, kinh nghiệm: Nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vai trò đột phá của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; Kế hoạch hành động cần kế thừa các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan đã và đang triển khai (về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số...).

3. Xác định đúng phương thức, không hình thức, không dàn trải: Xác định thể chế, cơ chế chính sách là yếu tố dẫn dắt, chuyển đổi số là công cụ hỗ trợ quan trọng trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; triển khai thực hiện theo nguyên tắc thí điểm, đánh giá kết quả trước khi nhân rộng. Nghiên cứu phát huy những tiềm năng, thế mạnh và lợi thế của phường trên tất cả các lĩnh vực; xác định rõ những hạn chế, bất cập, điểm nghẽn, tác nhân gây cản trở để có giải pháp tháo gỡ kịp thời, triệt để. Tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên phát triển

khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có thể tạo ra kết quả mang tính đột phá, mang lại hiệu ứng lan tỏa lớn.

4. Xác định các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể: Các nhiệm vụ, giải pháp phải phù hợp với điều kiện thực tế của phường và thành phố; bảo đảm tính khả thi, lộ trình rõ ràng, phân công trách nhiệm cụ thể nhằm đạt mục tiêu phát triển hiện đại, thông minh, bền vững.

5. Bảo đảm tính khả thi, lộ trình rõ ràng, phân công trách nhiệm cụ thể: Các chỉ tiêu, nhiệm vụ phải gắn với thời hạn thực hiện (ngắn hạn, trung hạn, dài hạn); nêu cụ thể đơn vị đầu mối chủ trì và đơn vị phối hợp; phân bổ nguồn lực (nhân lực, tài chính, vật lực) phù hợp với từng nhiệm vụ, tránh đầu tư dàn trải, lãng phí.

6. Xác định các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp mang tính chiến lược theo từng giai đoạn 5 năm: Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp gắn với kết quả sản phẩm cụ thể (theo tháng, quý, năm, giai đoạn); có cơ chế, công cụ đo lường, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; phân công trách nhiệm, thời hạn thực hiện cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân bảo đảm phù hợp với năng lực, điều kiện thực tế của phường và thành phố.

7. Đồng bộ, phối hợp chặt chẽ, liên thông trong toàn hệ thống chính trị: Huy động sự tham gia của các ngành, doanh nghiệp, các trường học và toàn xã hội vào quá trình thực hiện; đề xuất cơ chế phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị tránh chồng chéo, trùng lặp.

8. Tăng cường giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả, báo cáo kịp thời: Thiết lập chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết định kỳ. Quy định rõ cơ chế kiểm tra, giám sát của các cấp uỷ, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Coi trọng vai trò giám sát của Ban Thường vụ Đảng uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban Kiểm tra, Ban Xây dựng Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; báo cáo và tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện theo định kỳ. Phát hiện sớm những khó khăn, vướng mắc, kịp thời xử lý, tháo gỡ; can thiệp bằng các giải pháp hiệu quả, tháo gỡ các điểm nghẽn tạo chuyển biến, đạt được các mục tiêu, yêu cầu của kế hoạch đặt ra.

9. Bảo đảm công khai, minh bạch, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đi kèm với trách nhiệm giải trình: Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân. Thông tin, dữ liệu, quyết định liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số cần được công khai tối đa; từng cơ quan, cá nhân chịu trách nhiệm giải trình về kết quả thực hiện. Ưu tiên tăng bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước kết hợp thúc đẩy việc huy động xã hội hóa trong đầu tư khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, khởi nghiệp sáng tạo. Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn lực xã hội nói chung, đặc biệt là nguồn ngân sách

Nhà nước; ưu tiên các nhiệm vụ cấp thiết, dự án có tính lan tỏa và hiệu quả cao.

10. Kết hợp chặt chẽ giữa mục tiêu trước mắt và lâu dài: Vừa giải quyết những yêu cầu cấp bách (cải cách hành chính, xây dựng hạ tầng số, nâng cao chất lượng dịch vụ công...) vừa có tầm nhìn dài hạn (đến các năm 2030, 2035, 2045) trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; cần gắn Quy hoạch phát triển của phường với chiến lược dài hạn, bảo đảm tính đồng bộ.

11. Đẩy mạnh tuyên truyền, tạo sự đồng thuận và phát huy sáng tạo của toàn xã hội: Phổ biến rộng rãi mục tiêu, lộ trình, cách làm; khuyến khích Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, đội ngũ trí thức tham gia, đóng góp sáng kiến, nguồn lực; xây dựng phong trào thi đua trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; kịp thời biểu dương, khen thưởng các mô hình tiêu biểu.

12. Tập trung, quyết liệt, hiệu quả, tiết kiệm, khả thi: Triển khai Nghị quyết một cách quyết liệt, đồng bộ, thống nhất; mọi giải pháp, chương trình, dự án cần tính toán khả năng triển khai, hiệu quả kinh tế - xã hội; ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực trọng điểm, có tính lan tỏa, tạo ra giá trị gia tăng cao, không dàn trải, hình thức và theo phong trào. Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, gắn với các chỉ số đo lường và đánh giá hiệu quả (KPIs), phân công trách nhiệm, xác định thời hạn thực hiện.

13. Đảm bảo tinh thần chủ động, tư duy năng động, sáng tạo: Chủ động triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW phù hợp với điều kiện thực tế của phường; Khuyến khích tư duy đổi mới, cách làm sáng tạo, mạnh dạn thử nghiệm các mô hình, công nghệ, giải pháp mới.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, khuyến khích tinh thần khởi nghiệp về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, khơi dậy và phát huy tinh thần sáng tạo của mọi tầng lớp xã hội.

- Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả, đưa hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của tổ chức, cơ quan đảng, nhà nước lên môi trường số, dựa trên dữ liệu; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tiện ích số thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, tạo đột phá trong cải cách hành chính, quản trị công và phát triển bền vững.

- Sử dụng hạ tầng số thống nhất, ổn định, linh hoạt, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, từng bước nâng cao chất lượng sống của người dân, góp phần thực hiện thành công sự nghiệp hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa của thành phố.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy tiềm lực sáng tạo của mọi tầng lớp xã hội, thúc đẩy hợp tác, liên kết địa phương, đơn vị, doanh nghiệp, nhà

khoa học để góp tích cực vào thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực đồng thời là mục tiêu phát triển và bền vững phát triển kinh tế - xã hội; tạo ra các giá trị tăng trưởng mới từ kinh tế số, hình thành và phát triển môi trường số an toàn, tiện ích phục vụ tối đa nhu cầu sản xuất, kinh doanh cũng như sinh hoạt cộng đồng của người dân, tạo môi trường khởi nghiệp sáng tạo, chủ động tiếp cận và tận dụng các cơ hội của cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến hết năm 2025

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn đạt $\geq 60\%$.
- Tỷ lệ phủ sóng 5G trong các trung tâm thương mại đạt 100%.
- Có $\geq 60\%$ người sử dụng có khả năng truy cập băng thông rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s.

b) Phát triển nguồn lực

- 100% cán bộ, công chức phường được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.
- 80% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.
- 80% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.
- 100% cơ sở giáo dục phổ thông đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 3 trở lên.
- 100% đối với các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ quan quản lý giáo dục đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 3 trở lên.
- Có $\geq 90\%$ cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số.

- Có $\geq 80\%$ cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học.

c) Phát triển khoa học, công nghệ

Ứng dụng AI, IoT, Big Data... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.

d) Phát triển chuyển đổi số

- Có $\geq 70\%$ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành

chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.

- 100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.

- Có $\geq 80\%$ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.

- 85% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- Có $\geq 70\%$ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.

- Có $\geq 30\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.

- Có $\geq 70\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID).

- Đảng ủy, chính quyền phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.

2.2. Đến hết năm 2030

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn đạt 100%.

- 100% người sử dụng có khả năng truy cập băng thông rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s.

b) Phát triển nguồn lực

- 100% cán bộ, công chức phường được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.

- 90% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- 100% cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số; cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số.

- 100% cơ sở giáo dục phổ thông triển khai các chương trình giảng dạy về kỹ năng số cho học sinh phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 về Khung năng lực số cho người học.

- Có $\geq 95\%$ các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo vào các môn học và hoạt động giáo dục.

- Có $\geq 85\%$ cơ sở giáo dục trung học có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo hoạt động thường xuyên.

- 100% cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học.

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- 40% doanh nghiệp trên địa bàn có hoạt động đổi mới sáng tạo.
- Ứng dụng AI, IoT, Big Data... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh, giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng sống người dân.

d) Phát triển chuyển đổi số

- 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và thành phố, giữa các cấp chính quyền.
- 100% giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.
- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.
- Có $\geq 85\%$ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến.
- Có $\geq 60\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương trên địa bàn ứng dụng công nghệ số.
- Có $\geq 85\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID), tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số đạt có chữ ký số $\geq 10\%$.

2.3. Đến hết năm 2035

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 50%.

b) Phát triển nguồn lực

- 95% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Có $\geq 95\%$ cơ sở giáo dục trung học có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo hoạt động thường xuyên.

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- 45% doanh nghiệp trên địa bàn có hoạt động đổi mới sáng tạo.
- Ứng dụng một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano; ứng dụng công nghệ hiện đại vào việc quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.

d) Phát triển chuyển đổi số

- Có $\geq 95\%$ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- Có $\geq 85\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn ứng dụng công nghệ số.

- Có $\geq 95\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử, tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số đạt $\geq 20\%$.

- Tham gia ứng dụng Trung tâm điều hành thông minh của thành phố.

2.4. Đến hết năm 2040

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 80%.

b) Phát triển nguồn lực

- 97% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- 80% - 90% dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số...).

- 100% các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo vào các môn học và hoạt động giáo dục.

- 100% cơ sở giáo dục trung học có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo hoạt động thường xuyên.

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Có ≥ 08 doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- 50% doanh nghiệp trên địa bàn có hoạt động đổi mới sáng tạo.

- Ứng dụng AI, IoT, Big Data... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.

d) Phát triển chuyển đổi số

- 100% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.

- Có $\geq 95\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn ứng dụng công nghệ số.

- 100% người dân có tài khoản định danh điện tử, tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số đạt $\geq 30\%$.

- Đảng ủy, chính quyền phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.

- Tham gia ứng dụng Trung tâm điều hành thông minh của thành phố.

2.5. Đến hết năm 2045

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 100%.

b) Phát triển nguồn lực

- 100% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Có $\geq 90\%$ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số...).

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- 55% doanh nghiệp trên địa bàn có hoạt động đổi mới sáng tạo.

- Phường có khả năng thu hút nhiều chuyên gia, nhà khoa học giỏi, tạo ra sản phẩm, dịch vụ công nghệ mang tính ứng dụng cao.

d) Phát triển chuyển đổi số

- 100% doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn ứng dụng công nghệ số.

- 100% người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID), tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số đạt $\geq 40\%$.

- Ứng dụng AI, IoT và Big Data ở mức độ cao trong hệ thống đảng số, chính quyền số giúp xây dựng các hệ thống quản trị thông minh, tự động hóa ra quyết định dựa trên dữ liệu thời gian thực, tối ưu hóa quy trình vận hành và nâng cao chất lượng các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và dịch vụ công.

- Đô thị vận hành dựa trên dữ liệu, quản trị thông minh, giảm phát thải, sử dụng năng lượng xanh.

- Dịch vụ y tế, giáo dục, an sinh xã hội đạt chuẩn tiên tiến, người dân hưởng thụ môi trường sống hiện đại, an toàn, tiện ích.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Bố trí cán bộ có trình độ, năng lực về khoa học, kỹ thuật vào cấp ủy các cấp.

- Ban hành kế hoạch, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện, phân công rõ trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị, các ngành.

- Lồng ghép các nội dung trong nghị quyết và quyết định vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Mời các chuyên gia, các nhà khoa học, nhà quản lý có uy tín để tham vấn; thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành, liên cấp; tăng cường sự vào cuộc của các ban, ngành; giao trách nhiệm, lộ trình cụ thể.

2. Nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị, thông tin, truyền thông

2.1. Tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản liên quan sâu rộng trong toàn hệ thống chính trị, đến từng cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân.

- Nội dung quán triệt cần tập trung vào các vấn đề cốt lõi của Nghị quyết số 57-NQ/TW, gắn với thực tiễn của phường.

- Hình thức quán triệt cần đa dạng, phong phú (hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn, tài liệu, video...) cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; phổ biến đến cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong hoạt động thông tin, tuyên truyền.

- Xây dựng tài liệu, cẩm nang về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số dưới dạng dễ tiếp cận (video clip, infographic, mạng xã hội...).

- Mời chuyên gia có kinh nghiệm thực tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tham gia chia sẻ, trao đổi.

2.2. Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, chi tiết, phân công rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ kết quả và rõ trách nhiệm; xác định thời hạn hoàn thành và chỉ tiêu đánh giá với các mục tiêu, cụ thể cho từng giai đoạn 5 năm (năm 2025 đến năm 2030, năm 2035, năm 2040, năm 2045); xác định rõ nguồn lực thực hiện (nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất...).

2.3. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW. Đưa kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW vào tiêu chí đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng cán bộ, công chức.

2.4. Đẩy mạnh truyền thông về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Phối hợp với Báo và phát thanh, truyền hình thành phố, Cổng thông tin điện tử thành phố... để phổ biến lợi ích của phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Đa dạng hóa hình thức, cách thức truyền thông (báo chí, mạng xã hội, cổng thông tin điện tử, các trang mạng xã hội, trên hệ thống loa truyền thanh không dây...).

- Xây dựng chương trình truyền thông riêng cho từng đối tượng (cán bộ lãnh đạo, chuyên viên, doanh nghiệp, người dân...).

- Triển khai sâu rộng phong trào “Bình dân học vụ số”, phổ cập, nâng cao tri thức số, tri thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân trên địa bàn.

- Vận động Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, hội doanh nghiệp phường tham gia tuyên truyền; lồng ghép với phong trào thi đua yêu nước, khởi nghiệp sáng tạo.

- Khơi dậy các phong trào thi đua, mở rộng, đa dạng các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời, xứng đáng đối với các chuyên gia, nhà khoa

học, nhà sáng chế, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích, các mô hình tiêu biểu, điển hình trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn phường.

2.5. Xây dựng văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số.

- Xây dựng và triển khai thực hiện quy tắc ứng xử trên môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức.
- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền về văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp.

3. Hoàn thiện thể chế, chính sách tạo đột phá, đảm bảo nguồn lực

- Kịp thời cụ thể hóa, triển khai các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thuộc thẩm quyền của phường ngay khi Trung ương hoàn thiện thể chế theo tinh thần Nghị quyết 57-NQ/TW.

- Tập trung đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin tại các khu vực đô thị, trung tâm thương mại, điểm du lịch trên địa bàn theo chỉ đạo của thành phố.

- Rà soát, đánh giá, đề xuất bổ sung chính sách hỗ trợ đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp của phường.

- Xây dựng các kế hoạch cụ thể để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo giai đoạn 2025 - 2045, tập trung cả hệ thống chính trị để thực hiện thành công các kế hoạch, biến tiềm năng thành hiện thực trong thời gian sớm nhất.

- Thực hiện các chính sách ưu đãi trong nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng, phát triển, sản xuất sản phẩm, dịch vụ công nghệ số đối với doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn, khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tham gia xây dựng quỹ hỗ trợ đổi mới sáng tạo, quỹ đầu tư khởi nghiệp. Ưu tiên bố trí ngân sách cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, dự án chuyển đổi số và kêu gọi xã hội hóa.

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp; rà soát, cắt giảm các thủ tục không cần thiết; ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình, giảm thời gian xử lý hồ sơ, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao, phi địa giới hành chính; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp công nghệ, startup tiếp cận đất đai, vốn, nhân lực.

- Tập trung thúc đẩy khai thác, triển khai, kết nối, hợp tác hiệu quả; tăng cường thu hút các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu, sản xuất và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Bố trí đủ nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) để triển khai các nội dung, nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch hành động. Tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu, quy định; lồng ghép với

các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

4. Xây dựng chiến lược phát triển hạ tầng số, ứng dụng, dịch vụ số

- Triển khai các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, thông tin, báo cáo và phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị sau khi sắp xếp đơn vị hành chính các cấp; bảo đảm thông suốt, hiệu quả, kịp thời.

- Xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược tổng thể 10 năm đầu tư phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, bảo đảm an toàn, an ninh, có tính dự phòng.

- Ưu tiên phát triển hạ tầng số trong xây dựng đô thị thông minh có tính kết nối, liên thông; thúc đẩy kết nối, chia sẻ hạ tầng số giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn; lồng ghép các nội dung phát triển hạ tầng số vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Mở rộng phủ sóng băng thông rộng (4G, 5G, cáp quang) nâng cấp đường truyền cho cơ quan đảng, nhà nước, trường học, bệnh viện; ưu tiên phủ sóng cho điểm du lịch, các trung tâm thương mại.

- Tham gia xây dựng quy chế về chia sẻ hạ tầng số.

- Tham gia xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố.

- Đưa các hoạt động của cơ quan đảng, nhà nước lên môi trường mạng, hướng tới hiệu lực, hiệu quả, công khai, minh bạch; công tác chỉ đạo, điều hành trực tuyến, dựa trên dữ liệu.

- Ứng dụng công nghệ giải quyết vấn đề môi trường, xã hội: Áp dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS...) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên. Thúc đẩy tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững. Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong lĩnh vực văn hóa, trong quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

5. Tham gia xây dựng chiến lược tổng thể 10 năm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển

- Tạo điều kiện kết nối viện - trường - doanh nghiệp, thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống.

- Ưu tiên các nhiệm vụ khoa học, công nghệ giải quyết vấn đề bức thiết, phát triển kinh tế - xã hội (du lịch, bảo vệ môi trường, y tế, giáo dục...).

6. Xây dựng chiến lược giai đoạn 5 năm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

- Triển khai áp dụng các chính sách ưu đãi để thu hút, giữ chân nhân tài.

- Cụ thể hóa các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng số, kiến thức chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp...

- Xây dựng chương trình đào tạo kỹ năng số (quản trị dữ liệu, sử dụng nền tảng số...) cho lãnh đạo các cấp; tổ chức các lớp tập huấn định kỳ.

- Tích hợp, lồng ghép nội dung chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong chương trình đào tạo chính quy, bồi dưỡng cán bộ.

- Tăng cường đào tạo về kỹ năng số, kiến thức về công nghệ mới; khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo; triển khai mô hình trường học thông minh, lớp học ảo, học liệu số; tạo điều kiện để học sinh tiếp cận công nghệ sớm.

- Tham gia xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của thành phố kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, thống nhất toàn quốc về nhân lực khoa học công, nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tăng cường kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia, tạo nên hệ sinh thái dữ liệu mở, thông minh và an toàn.

- Tạo môi trường làm việc thông thoáng, văn minh, ban hành chính sách đãi ngộ, hỗ trợ (nhà ở, lương thưởng, môi trường nghiên cứu và phát triển...) để thu hút chuyên gia công nghệ cao, nhà khoa học giỏi đến làm việc.

7. Xây dựng chiến lược chuyển đổi số, kinh tế số

7.1. Chiến lược từng giai đoạn 5 năm thực hiện Chương trình chuyển đổi số và Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng

- Phát triển các nền tảng số dùng chung, cơ sở dữ liệu số dùng chung, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị tại thành phố, đẩy mạnh cải cách hành chính, rà soát, tái cấu trúc, số hóa toàn bộ quy trình nghiệp vụ dựa trên công nghệ số.

- Ưu tiên sử dụng các ứng dụng, nền tảng số đã được Trung ương đầu tư, bảo đảm đồng bộ, tiết kiệm nguồn lực; đồng thời khai thác hiệu quả hạ tầng dùng chung, tránh phát sinh trùng lặp trong xây dựng và triển khai các hệ thống số của thành phố.

- Tăng cường kết nối, chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng số giữa phường, thành phố với Trung ương.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tổng hợp, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định.

- Khuyến khích xã hội hóa, hợp tác công - tư trong phát triển hạ tầng số.

7.2. Chiến lược từng giai đoạn 5 năm triển khai các nền tảng số

- Tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu (dân cư, đất đai, doanh nghiệp...) trên nền tảng chung, tích hợp với trí tuệ nhân tạo (AI), hạn chế trùng lặp, phân tán

dữ liệu.

- Đẩy mạnh xác thực điện tử, chữ ký số.
- Triển khai các nền tảng số thông minh trong các ngành, lĩnh vực: du lịch, sản xuất, thương mại điện tử, giáo dục - y tế, đô thị, môi trường...
- Phát triển thanh toán số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích chất lượng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị, phục vụ cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trên môi trường số.

7.3. Xây dựng chiến lược từng giai đoạn 5 năm, các chương trình, đề án cụ thể

- Hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử...).
- Phát triển nền tảng kết nối doanh nghiệp - nhà cung cấp giải pháp công nghệ, tổ chức hội chợ, hội thảo công nghệ; tạo môi trường chia sẻ kiến thức.
- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ thông qua nền tảng số toàn cầu.
- Tham gia xây dựng thương hiệu số cho sản phẩm chủ lực, áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc, IoT, blockchain, chế biến...
- Tham gia triển khai các công cụ phân tích dữ liệu (Big Data, AI) để dự báo, đánh giá thị trường, nâng cao hiệu quả marketing.
- Tham gia hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ đầu tư ra nước ngoài; thu hút các doanh nghiệp về công nghệ cao khởi nghiệp, đầu tư tại địa phương.
- Đặt hàng các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số.

8. Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số

8.1. Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân

8.2. Tăng cường an ninh mạng

- Kiểm soát an toàn thông tin mạng, triển khai hệ thống phòng, chống mã độc tập trung của thành phố.
- Triển khai thực hiện quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin quan trọng.
- Tăng cường năng lực giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố an ninh mạng.

- Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố.

8.3. Cụ thể hóa các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng

- Phân công, cử cán bộ tham gia tập huấn ứng cứu sự cố, sẵn sàng xử lý mọi tình huống tấn công mạng và các sự cố an ninh mạng phát sinh theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan chuyên trách của Công an thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Thành ủy và các cơ quan liên quan trong theo dõi, giám sát, xử lý tấn công mạng, các hoạt động xâm phạm chủ quyền số; thực hiện theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên các hệ thống để bảo đảm an ninh, an toàn.

- Ưu tiên sử dụng giải pháp, sản phẩm an toàn thông tin “Made in Việt Nam”.

9. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết địa phương, đơn vị, doanh nghiệp, nhà khoa học

- Tăng cường liên kết, hợp tác với các địa phương, đơn vị, doanh nghiệp, nhà khoa học để thúc đẩy việc thực hiện Nghị quyết (chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác đào tạo nhân lực, xây dựng hạ tầng, nền tảng số dùng chung...), phối hợp triển khai các dự án chung, đặc biệt về hạ tầng số, liên kết chuỗi giá trị, chia sẻ kinh nghiệm đổi mới sáng tạo.

- Tích cực tham gia các hội nghị, hội thảo, diễn đàn học tập kinh nghiệm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số... do thành phố, các đơn vị tổ chức.

- Tích cực phối hợp với các doanh nghiệp để nghiên cứu, triển khai các ứng dụng, phần mềm quản lý, hỗ trợ, phân tích công việc phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện.

- Đề xuất các sáng kiến, giải pháp hợp tác, ký kết các thỏa thuận hợp tác, triển khai các dự án hợp tác cụ thể trên địa bàn.

- Khuyến khích các doanh nghiệp hợp tác với các đối tác nước ngoài; hỗ trợ, giúp đỡ, báo cáo cấp có thẩm quyền tạo điều kiện để các doanh nghiệp phụng tiếp cận, mở rộng thị trường, đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ, năng lực đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

10. Giám sát, đánh giá và tuyên truyền

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đã đề ra tại Kế hoạch hành động, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Kịp thời có các điều chỉnh về cơ chế, chính sách, văn bản quy định khi phát hiện ra các dấu hiệu có thể không đạt được các mục tiêu, yêu cầu

đã đặt ra. Ban hành quy chế, xây dựng cơ chế giám sát, thành lập đoàn kiểm tra định kỳ, báo cáo kết quả theo tháng, quý, 6 tháng, 1 năm. Thực hiện sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, điều chỉnh kịp thời mục tiêu, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Minh bạch quy trình phê duyệt, quản lý, sử dụng kinh phí; tạo cơ chế tự chủ hơn cho tổ chức phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò, kết quả của việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Thường trực Đảng ủy

- Chỉ đạo, định hướng chung: Thường trực Đảng ủy trực tiếp chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị xã hội, cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng ủy, phòng, đơn vị liên quan trong việc quán triệt, triển khai hiệu quả Kế hoạch hành động; định kỳ hoặc đột xuất nghe Ủy ban nhân dân phường báo cáo về tiến độ, kết quả, những vấn đề phức tạp, đột xuất phát sinh liên quan đến triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư.

- Quyết định các vấn đề quan trọng: chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp khi có sự thay đổi lớn về bối cảnh (chính sách, công nghệ, điều kiện kinh tế - xã hội...); xem xét, cho ý cân đối nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm: Chỉ đạo các ban đảng phối hợp với UBND phường để kiểm tra, giám sát; xử lý tập thể, cá nhân vi phạm hoặc trì trệ trong thực hiện kế hoạch hành động.

- Trực tiếp chỉ đạo việc khen thưởng, biểu dương điển hình, xử lý sai phạm (nếu có) trong quá trình triển khai.

2. Trách nhiệm của các cấp ủy đảng trực thuộc

- Xây dựng kế hoạch cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, giải pháp tại đơn vị phù hợp với chức năng, nhiệm vụ dựa trên kế hoạch hành động chung; quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW đến cán bộ, đảng viên, Nhân dân;

- Định kỳ báo cáo, phối hợp: Gửi báo cáo tiến độ, khó khăn, kiến nghị cho phường; kịp thời phản ánh những vấn đề phát sinh; phối hợp với các đoàn kiểm

tra, giám sát do cấp trên tiến hành.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết ở cấp cơ sở: Định kỳ hằng tháng, hằng quý, 6 tháng, hằng năm: Đánh giá kết quả thực hiện tại địa phương, đơn vị; biểu dương những điển hình tốt; đề xuất giải pháp mới.

- Tạo cơ chế khuyến khích đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp... tham gia tích cực vào các phong trào đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

3. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Đảng ủy

- Văn phòng Đảng ủy: Tham mưu kiện toàn tổ chức bộ máy đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng các kế hoạch để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phường theo giai đoạn 10 năm, tầm nhìn đến năm 2045, phối hợp với Phòng Văn hoá - Xã hội, Văn phòng HĐND&UBND phường trong tổng hợp, theo dõi, kiểm tra tiến độ, báo cáo Thường trực Đảng ủy; bảo đảm thông tin kịp thời, thông suốt.

- Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy:

- + Tham mưu, đề xuất những giải pháp về công tác cán bộ để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tham mưu bố trí cán bộ có trình độ khoa học, kỹ thuật giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý, tham gia vào cấp ủy các cấp; phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực đảm bảo khả năng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hệ thống cơ quan đảng.

- + Chủ trì, tham mưu quán triệt, định hướng tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 57-NQ/TW; hướng dẫn tuyên truyền nội bộ, trên báo chí, mạng xã hội.

- Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy: Thực hiện kiểm tra, giám sát hằng năm đối với việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình, Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Đảng ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo quy định; đề xuất xử lý trách nhiệm các đơn vị, cá nhân chậm hoặc chưa triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan. Theo dõi, tổng hợp tình hình, nghiên cứu đề xuất giải pháp đấu tranh với sai phạm trong triển khai các dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân phường

- Cụ thể hóa nội dung của Kế hoạch: Căn cứ Kế hoạch của Ban Thường vụ Đảng ủy phường để thực hiện rà soát, điều chỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện từng giai đoạn 05 năm (trước mắt là giai đoạn 2025 – 2030), trong đó cụ thể nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số theo từng năm theo phương châm “6 rõ” (rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ kết

quả, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền); phân bổ ngân sách, huy động nguồn lực xã hội, bảo đảm tính khả thi khi thực hiện.

- Tham mưu, đề xuất với Đảng uỷ về những giải pháp, cơ chế, chính sách cần sửa đổi hoặc ban hành mới, phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thường xuyên báo cáo Đảng uỷ về kết quả triển khai, các khó khăn, vướng mắc; xin ý kiến chỉ đạo kịp thời.

- Chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao; tổ chức kiểm tra, đôn đốc tiến độ, chất lượng thực hiện; xử lý, tháo gỡ vướng mắc, bảo đảm các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

- Đề xuất, áp dụng các cơ chế, chính sách: Thu hút đầu tư, nhân tài; khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển, khởi nghiệp công nghệ cao; hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa; ưu tiên ngân sách, khuyến khích đối tác công tư, quỹ đầu tư mạo hiểm... Tạo môi trường thuận lợi về thủ tục hành chính, pháp lý để tổ chức, cá nhân yên tâm tham gia đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ.

- Thực hiện chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết: Định kỳ hằng quý, 6 tháng, hằng năm hoặc đột xuất, báo cáo Thường trực Đảng uỷ về kết quả triển khai, kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả; chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết các chương trình, đề án theo từng giai đoạn; khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu; đề xuất điều chỉnh Kế hoạch nếu thấy cần thiết.

5. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cá tổ chức chính trị

- xã hội

- Tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, doanh nghiệp và Nhân dân hưởng ứng các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch này.

- Phát động phong trào thi đua sáng tạo, khởi nghiệp; tăng cường giám sát và phản biện xã hội trong quá trình thực hiện (phản ánh những khó khăn, bất cập).

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, các hội..., phối hợp với các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn kỹ năng số cho tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh... và các đối tượng có liên quan.

6. Cơ chế thông tin, báo cáo, sơ kết, tổng kết

- Thông tin, báo cáo định kỳ: các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị xã hội, cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng uỷ, phòng, đơn vị liên quan định kỳ hằng quý, 6 tháng, hằng năm báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch hành động gửi về Đảng uỷ; Văn phòng Đảng uỷ tổng hợp, báo cáo Thường trực Đảng uỷ, đồng thời gửi báo cáo về Ban Chỉ đạo thành phố.

- Kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết: Hằng năm, tổ chức kiểm tra sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm; có thể điều chỉnh một số mục tiêu, nhiệm vụ nếu cần. Giữa và cuối nhiệm kỳ hoặc theo chu kỳ 2 năm, 5 năm, tổ chức sơ kết, tổng kết theo giai đoạn trên phạm vi toàn phường; biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu, đồng thời đề xuất phương hướng cho giai đoạn tiếp theo.

7. Kinh phí thực hiện và nguồn lực hỗ trợ

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch hành động được bố trí từ ngân sách (chi cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số...) và nguồn xã hội hóa hợp pháp khác (đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân).

- Khuyến khích các mô hình hợp tác công tư trong đầu tư hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu, phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Tham gia xây dựng cơ chế linh hoạt, minh bạch, công khai trong quản lý, sử dụng kinh phí; tăng cường kiểm tra, giám sát để tránh lãng phí, tiêu cực.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch hành động này có sự cập nhật, điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với điều kiện thực tế./.

Nơi nhận:

- Thường trực Thành ủy (để báo cáo),
- Đồng chí Lê Trí Vũ - Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Thành ủy phụ trách Đảng bộ phường (để báo cáo),
- Văn phòng Thành ủy,
- Sở Khoa học và Công nghệ,
- HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam phường,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng ủy,
- Các tổ chức đảng trực thuộc,
- Các đồng chí Ủy viên Đảng ủy,
- Lưu Văn phòng Đảng ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Trần Quang Tường